

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2980/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 6 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

**Về ban hành Quy định về Tiêu chí và cách thức thẩm định hồ sơ
thành lập các tổ chức hành nghề công chứng năm 2012
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Công chứng ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 02/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công chứng;

Căn cứ Quyết định số 240/QĐ-TTg ngày 17 tháng 02 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Tiêu chí quy hoạch phát triển tổ chức hành nghề công chứng ở Việt Nam đến năm 2020;

Căn cứ Thông tư số 11/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thực hiện một số nội dung về công chứng viên, tổ chức và hoạt động công chứng, quản lý nhà nước về công chứng;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Công văn số 2126/STP-BTTP ngày 14 tháng 5 năm 2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về Tiêu chí và cách thức thẩm định hồ sơ thành lập các tổ chức hành nghề công chứng năm 2012 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tư pháp và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Minh Trí

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Về tiêu chí và cách thức thẩm định hồ sơ thành lập
các tổ chức hành nghề công chứng năm 2012
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2980/QĐ-UBND
ngày 07 tháng 6 năm 2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng điều chỉnh

Quy định này được áp dụng để thẩm định hồ sơ thành lập tổ chức hành nghề công chứng năm 2012 trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Nguyên tắc thẩm định hồ sơ

Việc thẩm định hồ sơ thành lập tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh phải đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, khách quan và đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Trách nhiệm của công chứng viên nộp hồ sơ đề nghị thành lập tổ chức hành nghề công chứng

Công chứng viên nộp hồ sơ đề nghị thành lập tổ chức hành nghề công chứng chịu trách nhiệm về tính xác thực của hồ sơ và nộp kèm các giấy tờ chứng minh về những nội dung trình bày trong Đề án thành lập tổ chức hành nghề công chứng.

Chương II

TIÊU CHÍ VÀ SỐ ĐIỂM CỦA CÁC TIÊU CHÍ

Điều 4. Vị trí dự kiến đặt trụ sở tổ chức hành nghề công chứng

Điểm tối đa là **5 điểm** đối với tổ chức hành nghề công chứng đặt ở vị trí thuận lợi cho việc liên hệ của người dân, không gây ách tắc giao thông.

Điều 5. Về trụ sở tổ chức hành nghề công chứng

Điểm tối đa là **10 điểm**, trong đó:

1. Tổng diện tích sử dụng của trụ sở tổ chức hành nghề công chứng:

- a) Diện tích dưới 100 m^2 : 0 điểm;
- b) Diện tích từ 100 m^2 đến dưới 150 m^2 : 5 điểm;
- c) Diện tích từ 150 m^2 đến dưới 200 m^2 : 6 điểm;
- d) Diện tích từ 200 m^2 đến dưới 250 m^2 : 7 điểm;
- đ) Diện tích từ 250 m^2 trở lên: 8 điểm.

2. Về tính pháp lý của trụ sở tổ chức hành nghề công chứng:

a) Trường hợp trụ sở tổ chức hành nghề công chứng thuộc sở hữu của công chứng viên (đứng tên thành lập hoặc thành viên hợp danh): được cộng thêm 2 điểm.

b) Trường hợp trụ sở tổ chức hành nghề công chứng có Hợp đồng thuê, mượn hợp lệ và có thời hạn thuê từ 1 năm trở lên sẽ được cộng thêm tối đa 2 điểm, cụ thể:

- Hợp đồng thuê, mượn có thời hạn thuê từ 1 năm đến dưới 3 năm thì được cộng 1 điểm;

- Hợp đồng thuê, mượn có thời hạn thuê từ 3 năm trở lên thì được cộng 2 điểm.

Điều 6. Diện tích dành cho tiếp dân

Điểm tối đa là **2 điểm**, trong đó:

1. Diện tích dưới 50 m^2 : 1 điểm;
2. Diện tích từ 50 m^2 trở lên: 2 điểm.

Điều 7. Diện tích dành cho lưu trữ

Điểm tối đa là **3 điểm**, trong đó:

1. Diện tích dưới 30 m^2 : 1 điểm;
2. Diện tích từ 30 m^2 đến dưới 50 m^2 : 2 điểm;
3. Diện tích từ 50 m^2 trở lên: 3 điểm.

Điều 8. Điều kiện thực hiện các quy định về an ninh trật tự và an toàn giao thông

Điểm tối đa là **2 điểm**, trong đó:

1. Diện tích dành cho giữ xe

- a) Diện tích giữ xe dưới 50 m²: 0,5 điểm;
- b) Diện tích giữ xe từ 50 m² trở lên: 1 điểm.

Trường hợp tổ chức hành nghề công chứng không bố trí diện tích dành cho giữ xe sẽ không được tính điểm mục này.

2. Tổ chức hành nghề công chứng có phương án phòng chống cháy nổ, đảm bảo an ninh trật tự và an toàn giao thông sẽ được cộng thêm tối đa 1 điểm.

Điều 9. Cơ sở vật chất để phục vụ cho hoạt động nghiệp vụ và ứng dụng công nghệ thông tin

Điểm tối đa là **4 điểm**, trong đó:

1. Có dự kiến trang bị máy photocopy, máy tính và các trang thiết bị đảm bảo cho hoạt động của tổ chức hành nghề công chứng: tối đa 2 điểm;
2. Có dự kiến thiết kế trang web và kết nối Internet sẽ được cộng thêm tối đa 1 điểm;
3. Có phương án đầu tư xây dựng phần mềm quản lý nghiệp vụ sẽ được cộng thêm tối đa 1 điểm.

Điều 10. Loại hình của tổ chức hành nghề công chứng và số lượng công chứng viên

Điểm tối đa là **12 điểm**, trong đó:

1. Loại hình của tổ chức hành nghề công chứng: tổ chức hành nghề công chứng do 1 công chứng viên thành lập: 0 điểm; tổ chức hành nghề công chứng do nhiều công chứng viên thành lập: 5 điểm
2. Số lượng công chứng viên: mỗi công chứng viên được tính 1 điểm, tổng cộng điểm cho số lượng công chứng viên tối đa không quá 7 điểm.

Điều 11. Kinh nghiệm của công chứng viên liên quan đến công tác công chứng

Điểm tối đa là **22 điểm**, trong đó:

1. Số điểm tính cho từng công chứng viên như sau:
 - a) Công chứng viên có thời gian công tác pháp luật dưới 10 năm: 1 điểm;
 - b) Công chứng viên có thời gian công tác pháp luật từ 10 năm đến dưới 20 năm: 2 điểm;

c) Công chứng viên có thời gian công tác pháp luật từ 20 năm trở lên: 3 điểm.

2. Công chứng viên có thời gian công tác liên quan đến nghiệp vụ công chứng trên 1 năm sẽ được cộng thêm tối đa 1 điểm;

3. Công chứng viên đã từng hành nghề với tư cách công chứng viên được cộng thêm tối đa 3 điểm, cụ thể:

a) Công chứng viên đã từng hành nghề với tư cách công chứng viên trên 1 năm: được cộng thêm 1 điểm;

b) Công chứng viên đã từng hành nghề với tư cách công chứng viên trên 3 năm: được cộng thêm 2 điểm;

c) Công chứng viên đã từng hành nghề với tư cách công chứng viên trên 5 năm: được cộng thêm 3 điểm.

4. Những công chứng viên đã từng bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính liên quan đến việc hành nghề dưới mọi hình thức trong thời hạn 3 năm tính đến ngày nộp hồ sơ sẽ không được tính điểm.

Điều 12. Thư ký nghiệp vụ

1. Điểm tối đa là **14 điểm**, trong đó:

a) Mỗi thư ký nghiệp vụ được tính 1 điểm, tổng cộng điểm cho số lượng thư ký nghiệp vụ tối đa không quá 5 điểm.

b) Mỗi thư ký nghiệp vụ được cộng thêm tối đa 3 điểm nếu thuộc các trường hợp sau đây:

- Có thời gian làm công tác pháp luật từ 5 năm trở lên: được cộng thêm 1 điểm;

- Đã từng được bổ nhiệm các chức danh tư pháp: được cộng thêm 1 điểm;

- Đã có chứng chỉ tốt nghiệp khóa bồi dưỡng nghiệp vụ công chứng: được cộng thêm 1 điểm.

c) Mỗi thư ký nghiệp vụ có thời gian công tác nghiệp vụ công chứng được cộng thêm tối đa 1,5 điểm, cụ thể:

- Thư ký nghiệp vụ có thời gian công tác nghiệp vụ công chứng trên 1 năm: được cộng thêm 0,5 điểm;

- Thư ký nghiệp vụ có thời gian công tác nghiệp vụ công chứng trên 3 năm: được cộng thêm 1 điểm;

- Thư ký nghiệp vụ có thời gian công tác nghiệp vụ công chứng trên 5 năm: được cộng thêm 1,5 điểm.

2. Những thư ký nghiệp vụ đã từng bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính liên quan đến việc hành nghề dưới mọi hình thức trong thời hạn 3 năm tính đến ngày nộp hồ sơ sẽ không được tính điểm.

Điều 13. Nhân sự phụ trách kế toán

Điểm tối đa là **3 điểm**, trong đó:

1. Tổ chức hành nghề công chứng có nhân viên làm kế toán: 1 điểm.
2. Nhân viên có bằng đại học hoặc cao đẳng chuyên ngành kế toán sẽ được cộng thêm tối đa 1 điểm; Nhân viên kế toán có thời gian công tác kế toán trên 1 năm sẽ được cộng thêm tối đa 1 điểm.

Điều 14. Nhân sự phụ trách công nghệ thông tin

Điểm tối đa là **3 điểm**, trong đó:

1. Tổ chức hành nghề công chứng có nhân viên công nghệ thông tin: 1 điểm.
2. Nhân viên có bằng đại học hoặc cao đẳng chuyên ngành công nghệ thông tin sẽ được cộng thêm tối đa 1 điểm; Nhân viên công nghệ thông tin có thời gian công tác công nghệ thông tin trên 1 năm sẽ được cộng thêm tối đa 1 điểm.
3. Nếu tổ chức hành nghề công chứng không có nhân viên công nghệ thông tin nhưng có phương án thuê dịch vụ công nghệ thông tin để phục vụ cho hoạt động của tổ chức hành nghề công chứng sẽ được tính tối đa 2 điểm.

Điều 15. Nhân sự phụ trách lưu trữ

Điểm tối đa là **4 điểm**, trong đó:

1. Tổ chức hành nghề công chứng có nhân viên làm công tác lưu trữ: 2 điểm.
2. Nhân viên có bằng đại học hoặc cao đẳng chuyên ngành lưu trữ sẽ được cộng thêm tối đa 1 điểm; Nhân viên lưu trữ có thời gian công tác lưu trữ trên 1 năm sẽ được cộng thêm tối đa 1 điểm.

Điều 16. Xây dựng quy trình nghiệp vụ công chứng và quy trình lưu trữ chặt chẽ, đúng quy định của pháp luật

Điểm tối đa là **8 điểm**, trong đó:

1. Xây dựng quy trình nghiệp vụ công chứng chặt chẽ, đúng quy định của pháp luật: 6 điểm.

2. Xây dựng quy trình lưu trữ chặt chẽ, đúng quy định của pháp luật: 2 điểm

Điều 17. Khả năng quản trị tổ chức hành nghề công chứng

Điểm tối đa là **4 điểm**, trong đó:

1. Người đại diện theo pháp luật của tổ chức hành nghề công chứng có bằng cấp hoặc giấy tờ chứng minh đã qua lớp đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về quản trị được tính tối đa 2 điểm.

2. Người đại diện theo pháp luật của tổ chức hành nghề công chứng từng có kinh nghiệm quản trị tổ chức hành nghề công chứng trên 1 năm được tính tối đa 2 điểm.

Điều 18. Tính khả thi của Đề án

Đề án thể hiện được tính khả thi và đảm bảo đầy đủ các nội dung theo quy định được tính tối đa **4 điểm**.

Điều 19. Những trường hợp không được tính điểm

Những công chứng viên, thư ký nghiệp vụ hoặc nhân viên khác hoặc vị trí dự kiến đặt trụ sở được nêu tại nhiều Đề án thành lập tổ chức hành nghề công chứng trong cùng một đợt tiếp nhận hồ sơ thành lập tổ chức hành nghề công chứng sẽ không được tính điểm cho các trường hợp này ở tất cả các hồ sơ.

Chương III

CÁCH THỨC THẨM ĐỊNH HỒ SƠ

Điều 20. Tổ thẩm định hồ sơ

1. Giám đốc Sở Tư pháp quyết định thành lập Tổ thẩm định hồ sơ đề nghị thành lập tổ chức hành nghề công chứng.

2. Nguyên tắc thẩm định hồ sơ

Các thành viên của Tổ thẩm định hồ sơ làm việc độc lập, căn cứ vào tiêu chí và thang điểm nêu tại Mục II của Quy định này để thẩm định và chấm điểm từng hồ sơ thành lập tổ chức hành nghề công chứng.

Điều 21. Cách thức chấm điểm

1. Điểm của từng hồ sơ được tính bằng cách lấy điểm chấm của các thành viên cộng lại và chia cho số lượng thành viên tham gia chấm điểm.

2. Việc thẩm định và chấm điểm hồ sơ phải được lập thành biên bản và có chữ ký của các thành viên Tổ thẩm định.

3. Hồ sơ được đề nghị xét chọn phải đạt từ 60 điểm trở lên và có số điểm cao nhất trong số hồ sơ xin thành lập trong 1 đơn vị quy hoạch (quận, huyện). Trường hợp có nhiều hồ sơ có số điểm bằng nhau, thì hồ sơ đề nghị xét chọn sẽ theo các thứ tự ưu tiên sau đây:

- a) Hồ sơ có số điểm chất lượng công chứng viên cao hơn;
- b) Hồ sơ có số lượng công chứng viên nhiều hơn;
- c) Hồ sơ có số điểm cơ sở vật chất cao hơn.

4. Căn cứ vào kết quả thẩm định và số điểm của từng hồ sơ, Giám đốc Sở Tư pháp trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định việc cho phép thành lập tổ chức hành nghề công chứng theo quy định.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 22. Khiếu nại, tố cáo

1. Người nộp hồ sơ đề nghị thành lập tổ chức hành nghề công chứng có quyền khiếu nại về việc từ chối cho phép thành lập tổ chức hành nghề công chứng khi có căn cứ cho rằng việc từ chối đó là trái với Quy định này.

Việc giải quyết khiếu nại được thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại.

2. Người nộp hồ sơ đề nghị thành lập tổ chức hành nghề công chứng có quyền tố cáo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về các hành vi vi phạm pháp luật và Quy định này.

Việc giải quyết tố cáo tuân theo quy định của pháp luật về tố cáo.

Điều 23. Tổ chức thực hiện

Sở Tư pháp chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy định này. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc thì kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét việc sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ theo quy định của pháp luật./.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Minh Trí